

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 04/2019/HS-ST
Ngày 03 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Mậu Văn Mùi

Các Hội thẩm Nhân dân: Ông Sái Văn Trọng và bà Vũ Thị Kim Dung

Thư ký phiên toà: Bà Kiều Thị Hằng - Thư ký Toà án Nhân D thành phố

V

Đại diện Viện kiểm sát Nhân D thành phố V tham gia phiên toà: Lê Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 153/2018/HS-ST ngày 03 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 148/2018/HSST- QĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018, đối với:

Bị cáo: Nguyễn Văn H, sinh ngày 01/10/1995; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn TD, xã ĐĐ, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc; D tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị Vượng B (tên gọi khác Nguyễn Thị B); vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1980; nơi cư trú: Số 3, ngõ 1, đường BT, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Nguyễn Thị Vượng B (tên gọi khác Nguyễn Thị B), sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn TD, xã ĐĐ, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

- Anh Nguyễn Việt V, sinh năm 1975; nơi cư trú: đường HV, thành phố PY, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quan hệ quan biết khoảng 08 giờ sáng 01/7/2018, tại nhà anh Nguyễn Văn D ở số 3, ngõ 1, đường BT, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh

Phúc, Nguyễn Văn H mượn của anh D chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 88K7-5679 để đi về nhà lấy tiền đặt cọc thuê nhà anh D. Sau khi mượn được xe, H điều khiển xe đi về nhà tại BX thì nhận được điện thoại của Nguyễn Huy H2 nói H2 và H1 lên chơi đang ở bên xe PY nên H không về nhà lấy tiền mà đi thẳng xuống bên xe PY đón bạn rồi đưa đi ăn uống tại thành phố PY. Do muốn thanh toán tiền ăn và đưa H2 và H1 đi chơi nhưng không có tiền nên H nảy sinh ý định đem chiếc xe máy trên đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. H một mình điều khiển chiếc xe đến cửa hàng mua bán xe máy cũ của anh Nguyễn Việt V cầm cố chiếc xe. Sau khi xem xe, anh V nói với H không nhận cầm cố và anh V và H thỏa thuận mua bán chiếc xe trên với giá 9.000.000 đồng. H nhận tiền và viết giấy bán xe sau đó giao xe cùng giấy đăng ký và giấy bán xe cho anh V. H bắt xe taxi quay về quán cơm nhưng H2 và H1 đã thanh toán tiền và đi khỏi quán, H có điện thoại nhưng H2 không thấy nghe máy. Sau đó, H bỏ đi chơi và đã tiêu xài hết số tiền trên. Ngày 02/7/2018, H gửi xe khách 01 giấy chứng minh nhân D và 02 thẻ ATM về trả anh D. Ngày 02/7/2018, do không có khả năng chuộc xe về trả cho anh D nên H nhắn tin cho anh D địa chỉ đã bán xe để anh D đến chuộc lại tài sản.

Ngày 02/7/2018, anh Nguyễn Văn D có đơn trình báo Công an thành phố V về việc ngày 01/7/2018, H mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88K7-5679 sau đó không trả. Trị giá tài sản khoảng 10.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 146/KL- HĐĐG ngày 21/9/2018 của Hội đồng định giá Ủy ban nhân D thành phố V, kết luận: “01 xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 88K7-5679, màu sơn đỏ cocktail ..., xe đã cũ, đã qua sử dụng. Trị giá 9.000.000 đồng”.

Tại Cáo trạng số: 153/CT-VKSTPVY ngày 30/11/2018, Viện kiểm sát Nhân D thành phố V đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại Cơ quan điều tra bị cáo Nguyễn Văn H khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn H vẫn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa khai nhận phù H với nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Việt V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại cơ quan điều tra đã khai nhận như nội dung cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội

đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 09 tháng đến 01 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng đến 02 năm, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 47; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Xác nhận Công an thành phố V đã thu giữ và trả lại cho anh Nguyễn Văn D chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển kiểm soát 88K7-5679; xác nhận bà Nguyễn Thị Vượng B đã thay Nguyễn Văn H bồi thường cho anh Nguyễn Việt V số tiền 9.000.000đ; truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền 300.000đ của anh Nguyễn Việt V hưởng lợi từ việc mua bán chiếc xe máy.

Bị cáo không bào chữa và tranh luận gì. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù H với nhau, phù H lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 08 giờ sáng 01/7/2018, tại nhà anh Nguyễn Văn D ở số 3, ngõ 1, đường BT, phường LB, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Nguyễn Văn H mượn của anh D chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter BKS 88K7-5679 (trị giá 9.000.000đ) sau đó đem bán cho anh Nguyễn Việt V số tiền 9.000.000đ và không có khả năng trả lại tài sản.

Hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn H đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt từ cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, có mức cao nhất của khung hình phạt đến 03 năm tù nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự thì trường H nêu trên thuộc tội phạm ít nghiêm trọng.

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thuộc trường H ít nghiêm trọng, Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã tích cực tác động bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên, cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa xử phạt bị cáo hình phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người công D có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật Hình sự thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa xác định bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm D sự và vật chứng:

Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu đỏ, BKS 88K7-5679, anh Nguyễn Văn D nhận lại tài sản và không có yêu cầu, đề nghị gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 9.300.000đ bà Nguyễn Thị B đã trả thay bị cáo cho anh Nguyễn Việt V, bà B không có yêu cầu bị cáo H phải trả lại.

Đối với 300.000đ tiền chênh lệch bà B trả cho anh V là tiền anh Vương hưởng lợi từ việc mua bán chiếc xe máy. Tuy nhiên bà B không yêu cầu gì đối với số tiền này và bà đề nghị để anh V được sử dụng nên hội đồng không xem xét, giải quyết.

[6] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 175; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 01 (một) năm tù cho hưởng án treo về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”; thời gian thử thách là 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Nguyễn Văn H cho Ủy ban nhân dân xã ĐĐ, huyện BX, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường H người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn H phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Chi cục thi hành án V;
- UBND xã ĐĐ, BX;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mẫu Văn Mùi